

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án khuyến nông Trung ương:
“Phát triển sản xuất nấm tập trung ở một số tỉnh phía Bắc”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và Nghị định 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư 38/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về Khuyến nông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Cục trưởng Cục Trồng trọt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án khuyến nông Trung ương với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Phát triển sản xuất nấm tập trung ở một số tỉnh phía Bắc.
2. Tổ chức chủ trì dự án: Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.
3. Chủ nhiệm dự án: KS. Vũ Thị Thủy.
4. Địa điểm thực hiện: Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Thái Bình. Bắc Ninh.
5. Thời gian thực hiện dự án: 3 năm (2013-2015).
6. Mục tiêu dự án:
 - 6.1. Mục tiêu tổng quát:
 - Xây dựng được các mô hình sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu tập trung gắn kết sản xuất, sơ chế và tiêu thụ có hiệu quả.
 - Tạo đà cho sự phát triển sản xuất nấm trong sản xuất nông hộ ở các địa phương.
 - 6.2. Mục tiêu cụ thể:

- Quy mô: xây dựng 24 mô hình/3 năm (các loại nấm rơm, sò, mỡ, mộc nhĩ và linh chi).

- Sản xuất được 4.600 tấn nguyên liệu (mỗi mô hình thực hiện bình quân đạt 150 - 200 tấn). Sản phẩm nấm thương phẩm được bảo quản, chế biến và tiêu thụ tốt trên thị trường, dự kiến hiệu quả kinh tế đạt trên 30%.

- Tập huấn cho khoảng 1.840 lượt hộ nông dân trực tiếp tham gia mô hình. Tổ chức 56 lớp tập huấn, đào tạo khoảng 1.680 lượt người ngoài mô hình. Tổ chức 24 hội thảo trong 3 năm, tham quan học tập cho 2.640 lượt nông dân.

7. Nội dung, kinh phí và tiến độ thực hiện dự án (theo Phụ lục đính kèm).

8. Kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước: **9.000.000.000đ** (Bằng chữ: *Chín tỷ đồng chẵn*).

Điều 2. Tổ chức chủ trì và cá nhân Chủ nhiệm dự án chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 1 Quyết định này và Thuyết minh dự án đã được phê duyệt; quản lý dự án và báo cáo Bộ theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Chủ nhiệm dự án, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Lưu VT, KHCN.

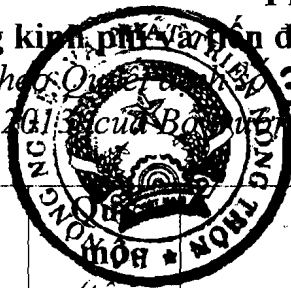
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Bá Bổng

Phụ lục

Nội dung kinh phí và phân độ thực hiện dự án khuyến nông
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-BNN-KHCN ngày 27 tháng 02 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



TT	Nội dung	(tân nguyên liệu)	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
Năm 2013				2.400,000	
1	Xây dựng mô hình	1.400	Hung Yên, Hải Dương, Nam Định, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Thái Bình. Bắc Ninh.	2.038,00	
2	Đào tạo tập huấn			170,000	
3	Thông tin tuyên truyền			122,000	
4	Chi khác			70,000	
Năm 2014				3.300,000	
1	Xây dựng mô hình	1.600	Hung Yên, Hải Dương, Nam Định, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Thái Bình. Bắc Ninh.	2.542,000	
2	Đào tạo tập huấn			528,000	
3	Thông tin tuyên truyền			127,000	
4	Chi khác			103,000	
Năm 2015		1.600		3.300,000	
1	Xây dựng mô hình		Hung Yên, Hải Dương, Nam Định, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Thái Bình. Bắc Ninh.	2.542,000	
2	Đào tạo tập huấn			528,000	
3	Thông tin tuyên truyền			127,000	
4	Chi khác			103,000	

12